

Số: 113/QĐ-ĐP1

Đức Phổ, ngày 09 tháng 10 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố công khai thực hiện dự toán thu - chi ngân sách 9 tháng năm 2026 của Trường THPT số 1 Đức Phổ

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG THPT SỐ 1 ĐỨC PHỐ

Căn cứ Luật ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 73/2026/NĐ-CP ngày 10 tháng 3 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 26/2026/TT-BTC ngày 25 tháng 3 năm 2026 của Bộ Tài chính quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định 73/2026/NĐ-CP ngày 10 tháng 3 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật ngân sách nhà nước;

Căn cứ Quyết định số 2127/QĐ-UBND ngày 22/8/2026 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc sắp xếp, sáp nhập các cơ sở giáo dục công lập thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Quảng Ngãi;

Căn cứ Quyết định số 258/QĐ-UBND ngày 10 tháng 12 năm 2025 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc giao dự toán ngân sách nhà nước và chi ngân sách địa phương năm 2026 trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi;

Căn cứ Quyết định số 1957/QĐ- SGDDT ngày 29 tháng 12 năm 2025 của Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo Quảng Ngãi về việc giao dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2026;

Căn cứ Quyết định số 2430/QĐ-SGDDT ngày 25/09/2026 của Sở Giáo dục và Đào tạo Quảng Ngãi về việc điều chỉnh dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2026 cho các cơ sở giáo dục công lập thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Quảng Ngãi được sắp xếp sáp nhập Quyết định số 2127/QĐ-UBND ngày 22/8/2026 của UBND tỉnh Quảng Ngãi;

Xét đề nghị của Kế toán Trường THPT số 1.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu dự toán thu - chi ngân sách 09 tháng năm 2026 của Trường THPT số 1 Đức Phổ (đính kèm Biểu mẫu số 75; Bảng đối chiếu dự toán kinh phí ngân sách bằng hình thức rút dự toán quý III/2026 và Bảng xác nhận số dư tiền gửi tháng 7,8,9/2026 tại Kho bạc nhà nước).

Điều 2. Hình thức, thời gian và địa điểm công khai: Công khai tại bảng tin của nhà trường, Website trường, cán bộ, giáo viên, nhân viên trong thời gian 30 ngày kể từ ngày Quyết định có hiệu lực.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 4. Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên Trường THPT số 1 Đức Phổ chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Phòng TC Sở GD&ĐT;
- Như Điều 2;
- Lưu VT, KT(ntkk).



CÔNG KHAI THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU- CHI NGÂN SÁCH 9 THÁNG
NĂM 2026

(Dùng cho đơn vị dự toán cấp trên và đơn vị dự toán sử dụng ngân sách nhà nước)

Căn cứ Nghị định số 73/2026/NĐ-CP ngày 10 tháng 3 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 26/2026/TT-BTC ngày 25 tháng 03 năm 2026 của Bộ Tài chính quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 73/2025/NĐ-CP ngày 10 tháng 3 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước.

Trường THPT số 1 Đức Phồ công khai tình hình thực hiện dự toán thu- chi ngân sách 9 tháng năm 2026 như sau:

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện 9 tháng năm 2026	Ước thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện 9 tháng năm 2026 so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ%)
1	2	3	4	5	6
A	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí	2.238,00	1.748,55	78,13%	
I	Số thu phí, lệ phí	2.238,00	1.748,55	78,13%	
1	Lệ phí	0,00	0,00	0	
2	Phí	0,00	0,00	0	
	Học phí	2.238,00	1.603,10	71,63%	
	Căn tin	0,00	145,45	#DIV/0!	
II	Chi từ nguồn thu phí được để lại	2.238,00	744,80	33,3%	
1	Chi sự nghiệp Giáo dục	2.238,00	744,80	33,3%	
a	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	2.238,00	744,80	33,3%	
b	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ	0,00	0,00	0	
2	Chi quản lý hành chính	0,00	0,00	0	
a	Kinh phí giao thực hiện chế độ tự chủ	0,00	0,00	0	
b	Kinh phí không giao thực hiện chế độ tự chủ	0,00	0,00	0	
III	Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước	0,00	0,00	0	

TT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện 9 tháng năm 2026	Ước thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện 9 tháng năm 2026 so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ%)
1	2	3	4	5	6
1	Lệ phí	0,00	0,00	0	
2	Phí	0,00	0,00	0	
B	Dự toán chi ngân sách nhà nước	27.905,70	17.003,60	60,93%	
I	Nguồn ngân sách trong nước	27.905,70	17.003,60	60,93%	
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo	27.905,70	17.003,60	60,93%	
3.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	25.635,39	15.535,96	60,60%	
3.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ	2.270,31	1.467,64	64,64%	

Đức Phổ, ngày 09 tháng 10 năm 2026

Thủ trưởng đơn vị

(Chữ ký, đóng dấu)



Phạm Thanh Cước

Mã chương: 422
Đơn vị: Trưởng THPT Đức Phổ I
Mã ĐVQHNS: 1082472
Mã cấp NS: 2
Kho bạc Nhà nước giao dịch: KBNN Khu vực XV-PGD số 21

Mã hồ sơ: DCSD/
Người ký: Hoàng Thị Thu Hồng
Ngày ký: 02/10/2026 09:23:37
Chức danh: Kế toán trưởng
Số 21
Nội dung: Phê duyệt hồ sơ đối chiếu xác nhận số dư

Mẫu số 26
Ký hiệu: 01a-SDKP/ĐVDT

BẢNG ĐỐI CHIẾU DỰ TOÁN KINH PHÍ NGÂN SÁCH BẢNG HÌNH THỨC RÚT DỰ TOÁN TẠI KHO BẠC NHÀ NƯỚC

Quý 3 /Năm 2026

Mã nguồn ngân sách nhà nước	Mã ngành kinh tế	Mã chương trình mục tiêu, dự án	DT năm trước chuyển sang	Dự toán giao đầu năm	DT năm nay		DT được sử dụng trong năm	DT đã sử dụng		DT giữ lại	DT còn lại
					Trong kỳ	Lũy kế đến kỳ báo cáo		Trong kỳ	Số dư đến kỳ báo cáo		
A	B	C	1	2	3	4	5=1+4	6	7	8	9=5-7
12	074	00000	800.000.000	750.000.000	830.562.404	2.270.308.404	3.070.308.404	606.996.070	1.467.640.070	0	1.602.668.334
13	074	00000	890.000.000	19.878.000.000	5.757.389.931	25.635.389.931	26.525.389.931	6.569.682.135	15.535.957.075	0	10.989.432.856
28	074	00000	0	0	0	0	0	0	0	214.000.000	0
Cộng:			1.690.000.000	20.628.000.000	6.587.952.335	27.905.698.335	29.595.698.335	7.176.678.205	17.003.597.145	214.000.000	12.592.101.190
Phần KBNN ghi:											

Ghi chú: KBNN chi ghi vào "Phần KBNN ghi" trong trường hợp có chênh lệch số liệu giữa đơn vị và KBNN và ghi cụ thể các thông tin về số liệu bị chênh lệch.

Ghi chú của KBNN:

KHO BẠC NHÀ NƯỚC
Ngày 2 tháng 10 năm 2026
Kế toán
(Ký tên, đóng dấu)
Đinh Thiên Trường

ĐƠN VỊ GIAO DỊCH
Ngày 2 tháng 10 năm 2026
Kế toán trưởng
(Ký, ghi họ tên)
(Ký, ghi họ tên, đóng dấu)

Người ký: Hoàng Thị Thu Hồng
Ngày ký: 02/10/2026 09:23:37
Chức danh: Kế toán trưởng
Đơn vị: KBNN Khu vực XV-PGD số 21

Người ký: Phạm Thanh Cường
Ngày ký: 02/10/2026 08:23:05
Chức danh: Trưởng THPT Đức Phổ I

Hoàng Thị Thu Hồng

Nguyễn Thị Kim Khánh

Phạm Thanh Cước

Mã chương: 422

Đơn vị: Trường THPT Đức Phổ I

Mã ĐVQHNS: 1082472

Mã cấp NS: 2

Kho bạc Nhà nước giao dịch: KBNN Khu vực XV-PGD số 21

Người ký: Hoàng Thị Thu Hồng
Ngày ký: 02/10/2026 09:23:38
Chức danh: Kế toán trưởng
Số 21
Mã hồ sơ: 0226-1082472-2 136006980
Nội dung: Phê duyệt hồ sơ đối chiếu xác nhận số dư

Mẫu số 28

Ký hiệu: 02a-SDKP/DVDT

BẢNG ĐỐI CHIẾU TÌNH HÌNH SỬ DỤNG KINH PHÍ NGÂN SÁCH BẢNG HÌNH THỨC RÚT DƯ TOÁN TẠI KHO BẠC NHÀ NƯỚC

Quý 3 /Năm 2026

Nội dung	Mục lục NSNN				Tạm ứng		Thực chi		Tổng	
	Mã nguồn ngân sách nhà nước	Mã ngành kinh tế	Mã nội dung kinh tế	Mã chương trình mục tiêu, dự án	Phát sinh trong kỳ	Số dư đến kỳ báo cáo	Phát sinh trong kỳ	Số dư đến kỳ báo cáo	Phát sinh trong kỳ	Số dư đến kỳ báo cáo
A	B	C	D	E	1	2	3	4	5=1+3	6=2+4
Phụ cấp khác	12	074	6149	00000	0	0	13.704.070	13.704.070	13.704.070	13.704.070
Hỗ trợ đối tượng chính sách chi phí học tập	12	074	6157	00000	0	0	0	4.500.000	0	4.500.000
Nhà cửa	12	074	6907	00000	0	0	0	759.690.000	0	759.690.000
Chi khác	12	074	7049	00000	0	0	0	96.454.000	0	96.454.000
Chi tính gián biến chế	12	074	8006	00000	0	0	593.292.000	593.292.000	593.292.000	593.292.000
Lương theo ngạch, bậc	13	074	6001	00000	0	0	3.085.537.402	7.662.666.299	3.085.537.402	7.662.666.299
Phụ cấp chức vụ	13	074	6101	00000	0	0	51.359.002	136.301.002	51.359.002	136.301.002
Phụ cấp làm đêm; làm thêm giờ	13	074	6105	00000	0	0	46.442.655	46.442.655	46.442.655	46.442.655
Phụ cấp nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	13	074	6107	00000	0	0	1.518.000	4.326.000	1.518.000	4.326.000
Phụ cấp ưu đãi nghề	13	074	6112	00000	0	0	1.258.606.184	2.655.209.911	1.258.606.184	2.655.209.911
Phụ cấp trách nhiệm theo nghề, theo công việc	13	074	6113	00000	0	0	6.704.500	20.042.500	6.704.500	20.042.500
Phụ cấp thâm niên vượt khung; phụ cấp thâm niên nghề	13	074	6115	00000	0	0	718.127.632	1.840.512.278	718.127.632	1.840.512.278

Thường khác	13	074	6249	00000	0	0	3.600.000	3.600.000	3.600.000	3.600.000
Chi khác	13	074	6299	00000	0	0	3.615.160	14.575.012	3.615.160	14.575.012
Bảo hiểm xã hội	13	074	6301	00000	0	0	674.629.204	1.686.957.730	674.629.204	1.686.957.730
Bảo hiểm y tế	13	074	6302	00000	0	0	115.650.721	289.192.754	115.650.721	289.192.754
Bảo hiểm thất nghiệp	13	074	6304	00000	0	0	38.550.240	96.397.585	38.550.240	96.397.585
Chi khác	13	074	6449	00000	0	0	0	33.415.200	0	33.415.200
Tiền điện	13	074	6501	00000	0	0	33.801.365	90.201.868	33.801.365	90.201.868
Tiền nước	13	074	6502	00000	0	0	2.114.678	4.144.770	2.114.678	4.144.770
Tiền nhiên liệu	13	074	6503	00000	0	0	200.000	200.000	200.000	200.000
Tiền vệ sinh, môi trường	13	074	6504	00000	0	0	1.593.000	2.389.500	1.593.000	2.389.500
Văn phòng phẩm	13	074	6551	00000	0	0	0	15.256.426	0	15.256.426
Mua sắm công cụ, dụng cụ văn phòng	13	074	6552	00000	0	0	0	7.165.000	0	7.165.000
Vật tư văn phòng khác	13	074	6599	00000	0	0	29.279.000	29.279.000	29.279.000	29.279.000
Cước phí điện thoại (không bao gồm khoản điện thoại); thuế bao đường điện thoại; fax	13	074	6601	00000	0	0	581.710	1.506.150	581.710	1.506.150
Cước phí bưu chính	13	074	6603	00000	0	0	206.800	206.800	206.800	206.800
Thuế bao kính vệ tinh; thuế bao cấp truyền hình; cước phí Internet; thuế đường truyền mạng	13	074	6605	00000	0	0	3.610.000	9.610.000	3.610.000	9.610.000
Phím ảnh; ấn phẩm truyền thông; sách, báo, tạp chí thư viện	13	074	6608	00000	0	0	0	778.900	0	778.900
Khác	13	074	6649	00000	0	0	2.032.000	12.032.000	2.032.000	12.032.000
Chi phí khác	13	074	6699	00000	0	0	0	7.946.440	0	7.946.440
Tiền vé máy bay, tàu, xe	13	074	6701	00000	0	0	23.305.000	35.019.000	23.305.000	35.019.000
Phụ cấp công tác phí	13	074	6702	00000	0	0	63.630.000	80.910.000	63.630.000	80.910.000
Tiền thuế phòng ngủ	13	074	6703	00000	0	0	84.076.800	95.166.800	84.076.800	95.166.800
Khoản công tác phí	13	074	6704	00000	0	0	5.400.000	7.800.000	5.400.000	7.800.000
Thuế phương tiện vận chuyển	13	074	6751	00000	0	0	0	38.931.200	0	38.931.200
Thuế đào tạo lại cán bộ	13	074	6758	00000	0	0	0	16.000.000	0	16.000.000
Chi phí thuê mượn khác	13	074	6799	00000	0	0	0	28.200.000	0	28.200.000
Hệ thống số, nền tảng số, hệ thống thông tin, phần cứng,	13	074	6912	00000	0	0	28.440.000	28.440.000	28.440.000	28.440.000

Phần mềm, cơ sở dữ liệu và các thiết bị công nghệ số									
Tài sản và thiết bị văn phòng	13	074	6913	00000	0	0	1.420.000	1.420.000	1.420.000
Đường điện, cấp thoát nước	13	074	6921	00000	0	0	11.047.000	11.047.000	11.272.000
Tài sản và thiết bị văn phòng	13	074	6955	00000	0	0	254.500.000	254.500.000	254.500.000
Chi mua hàng hóa, vật tư	13	074	7001	00000	0	0	8.719.082	95.494.708	95.494.708
Chi khác	13	074	7049	00000	0	0	135.588.447	0	135.588.447
Chi các khoản khác	13	074	7799	00000	0	0	7.924.140	0	7.924.140
Chi thanh toán các dịch vụ công cộng, vật tư văn phòng, thông tin truyền, liên lạc; chi đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ, công tác Đảng, các chi phí Đảng vụ khác và phụ cấp cấp ủy	13	074	7854	00000	0	0	11.385.000	28.935.000	28.935.000
Cộng:					0	0	7.176.678.205	17.003.597.145	17.003.597.145
Phần KBNN ghi:									

Chi chú: KBNN chi ghi vào "Phần KBNN ghi" trong trường hợp có chênh lệch số liệu giữa đơn vị và KBNN và ghi cụ thể các thông tin về số liệu bị chênh lệch.

Chi chủ của KBNN:

KHO BẠC NHÀ NƯỚC

Ngày 2 tháng 10 năm 2026

Kế toán
(Ký tên)
Đinh Thiên Trường

Kiểm soát
(Ký tên, đóng dấu)
Hoàng Thị Thu Hồng

Phạm Thanh Cước

ĐƠN VỊ GIAO DỊCH

Ngày 2 tháng 10 năm 2026

Kế toán trưởng
(Ký, ghi họ tên)
Thủ trưởng đơn vị
(Ký, ghi họ tên, đóng dấu)

Người ký: Nguyễn Thị Kim Khánh
Ngày ký: 02/10/2025 (m: 17:42)
Đơn vị: Trường THPT Lộc Trời

Nguyễn Thị Kim Khánh

Người ký: Phạm Thanh Cước
Ngày ký: 02/10/2025 (m: 4:20)
Đơn vị: Trường THPT Lộc Trời

Phạm Thanh Cước



Người ký: Hoàng Thị Thu Hồng
Ngày ký: 12/08/2026 15:12:02
Chức danh: Kế toán trưởng
Đơn vị: KBNN Khu vực XV-PGD
số 21
Nội dung: Phê duyệt hồ sơ đối
chiếu xác nhận số dư

Mẫu số 19

Ký hiệu: 06-ĐCSDTK/KBNN

BẢNG XÁC NHẬN SỐ DƯ TÀI KHOẢN TIỀN GỬI TẠI KHO BẠC NHÀ NƯỚC

Tháng 7 Năm 2026

Tên đơn vị: Trường THPT Đức Phổ I

Mã ĐVQHNS: 1082472

Địa chỉ: 117 Nguyễn Nghiêm, TDP Vĩnh Bình, phường Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi

Đơn vị: đồng

Diễn giải	Số liệu tại đơn vị	Số liệu tại KBNN	Chênh lệch	Nguyên nhân
Tài khoản: 3713.0.1082472.00000				
Số dư đầu kỳ	531.196.226			
Phát sinh tăng trong kỳ	219.964			
Phát sinh giảm trong kỳ	0			
Số dư cuối kỳ	531.416.190			
Tài khoản: 3716.2.1082472.00000				
Số dư đầu kỳ	1.126.524.915			
Phát sinh tăng trong kỳ	0			
Phát sinh giảm trong kỳ	23.687.500			
Số dư cuối kỳ	1.102.837.415			
Tài khoản: 3717.2.1082472.00000				
Số dư đầu kỳ	12.150.000			
Phát sinh tăng trong kỳ	0			
Phát sinh giảm trong kỳ	12.150.000			
Số dư cuối kỳ	0			
Tài khoản: 3713.0.1082472.94009				
Số dư đầu kỳ	457.630.092			
Phát sinh tăng trong kỳ	188.054			
Phát sinh giảm trong kỳ	0			
Số dư cuối kỳ	457.818.146			

Ghi chú: KBNN chỉ ghi vào "Số liệu tại KBNN", "Nguyên nhân" trong trường hợp có chênh lệch số liệu giữa đơn vị và KBNN và ghi cụ thể các thông tin về số liệu bị chênh lệch.

XÁC NHẬN CỦA KHO BẠC NHÀ NƯỚC

Ngày 12 tháng 8 năm 2026

Kế toán

Kiểm soát

Trần Thị Thanh Tuyền

Người ký: Hoàng Thị Thu Hồng
Ngày ký: 12/08/2026 15:12:02
Chức danh: Kế toán trưởng
Đơn vị: KBNN Khu vực XV-PGD số 21

Hoàng Thị Thu Hồng

ĐƠN VỊ SỬ DỤNG NGÂN SÁCH

Ngày 10 tháng 8 năm 2026

Kế toán trưởng

Chủ tài khoản

(Ký tên, đóng dấu)

Người ký: Nguyễn Thị Kim Khánh
Ngày ký: 10/08/2026 16:05:23
Đơn vị: Trường THPT Đức Phổ I

Nguyễn Thị Kim Khánh

Người ký: Phạm Thanh Cước
Ngày ký: 10/08/2026 16:23:39
Đơn vị: Trường THPT Đức Phổ I

Phạm Thanh Cước

Mã hồ sơ: D



Người ký: Hoàng Thị Thu Hồng
Ngày ký: 04/09/2026 16:49:45
Chức danh: Kế toán trưởng
Số 21
Nội dung: Phê duyệt hồ sơ đối
chiếu xác nhận số dư

Mẫu số 32

Ký hiệu: 06-ĐCSDTK/KBNN

BẢNG XÁC NHẬN SỐ DƯ TÀI KHOẢN TIỀN GỬI TẠI KHO BẠC NHÀ NƯỚC

Tháng 8 Năm 2026

Tên đơn vị: Trường THPT Đức Phổ I

Mã ĐVQHNS: 1082472

Địa chỉ: 117 Nguyễn Nghiêm, TDP Vĩnh Bình, phường Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi

Đơn vị: đồng

Kho bạc Nhà nước giao dịch: KBNN Khu vực XV-PGD số 21

Diễn giải	Số liệu tại đơn vị	Số liệu tại KBNN	Chênh lệch	Nguyên nhân
Tài khoản: 3713.0.1082472.00000				
Số dư đầu kỳ	531.416.190			
Phát sinh tăng trong kỳ	225.661			
Phát sinh giảm trong kỳ	0			
Số dư cuối kỳ	531.641.851			
Tài khoản: 3716.2.1082472.00000				
Số dư đầu kỳ	1.102.837.415			
Phát sinh tăng trong kỳ	0			
Phát sinh giảm trong kỳ	61.406.825			
Số dư cuối kỳ	1.041.430.590			
Tài khoản: 3713.0.1082472.94009				
Số dư đầu kỳ	457.818.146			
Phát sinh tăng trong kỳ	194.408			
Phát sinh giảm trong kỳ	0			
Số dư cuối kỳ	458.012.554			

Ghi chú: KBNN chỉ ghi vào "Số liệu tại KBNN", "Nguyên nhân" trong trường hợp có chênh lệch số liệu giữa đơn vị và KBNN và ghi cụ thể các thông tin về số liệu bị chênh lệch.

XÁC NHẬN CỦA KHO BẠC NHÀ NƯỚC

Ngày 4 tháng 9 năm 2026

Kế toán

Kiểm soát

Trần Thị Thanh Tuyền

Người ký: Hoàng Thị Thu Hồng
Ngày ký: 04/09/2026 16:49:45
Chức danh: Kế toán trưởng
Đơn vị: KBNN Khu vực XV-PGD số 21

Hoàng Thị Thu Hồng

ĐƠN VỊ SỬ DỤNG NGÂN SÁCH

Ngày 4 tháng 9 năm 2026

Kế toán trưởng

Chủ tài khoản

(Ký tên, đóng dấu)

Nguyễn Thị Kim Khánh

Phạm Thanh Cước

Người ký: Nguyễn Thị Kim Khánh
Ngày ký: 04/09/2026 11:55:50
Đơn vị: Trường THPT Đức Phổ I

Người ký: Phạm Thanh Cước
Ngày ký: 04/09/2026 14:21:04
Đơn vị: Trường THPT Đức Phổ I

Mã hồ sơ: D

Người ký: Hoàng Thị Thu Hồng
Ngày ký: 01/10/2026 14:18:08
Chức danh: Kế toán trưởng
Số 21
Nội dung: Phê duyệt hồ sơ đối
chiếu xác nhận số dự

Mẫu số 32

Ký hiệu: 06-ĐCSDTK/KBNN

BẢNG XÁC NHẬN SỐ DƯ TÀI KHOẢN TIỀN GỬI TẠI KHO BẠC NHÀ NƯỚC

Tháng 9 Năm 2026

Tên đơn vị: Trường THPT Đức Phổ I

Mã ĐVQHNS: 1082472

Địa chỉ: 117 Nguyễn Nghiêm, TDP Vĩnh Bình, phường Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi

Đơn vị: đồng

Kho bạc Nhà nước giao dịch: KBNN Khu vực XV-PGD số 21

Diễn giải	Số liệu tại đơn vị	Số liệu tại KBNN	Chênh lệch	Nguyên nhân
Tài khoản: 3713.0.1082472.00000				
Số dư đầu kỳ	531.641.851			
Phát sinh tăng trong kỳ	768.060.038			
Phát sinh giảm trong kỳ	0			
Số dư cuối kỳ	1.299.701.889			
Tài khoản: 3714.0.1082472.00000				
Số dư đầu kỳ	0			
Phát sinh tăng trong kỳ	133.837.758			
Phát sinh giảm trong kỳ	0			
Số dư cuối kỳ	133.837.758			
Tài khoản: 3716.2.1082472.00000				
Số dư đầu kỳ	1.041.430.590			
Phát sinh tăng trong kỳ	1.199.902.817			
Phát sinh giảm trong kỳ	189.433.685			
Số dư cuối kỳ	2.051.899.722			
Tài khoản: 3713.0.1082472.94009				
Số dư đầu kỳ	458.012.554			
Phát sinh tăng trong kỳ	497.291.474			
Phát sinh giảm trong kỳ	0			
Số dư cuối kỳ	955.304.028			

Ghi chú: KBNN chỉ ghi vào "Số liệu tại KBNN", "Nguyên nhân" trong trường hợp có chênh lệch số liệu giữa đơn vị và KBNN và ghi cụ thể các thông tin về số liệu bị chênh lệch.

XÁC NHẬN CỦA KHO BẠC NHÀ NƯỚC

Ngày 1 tháng 10 năm 2026

Kế toán

Kiểm soát

Đinh Thiên Trường

Người ký: Hoàng Thị Thu Hồng
Ngày ký: 01/10/2026 14:18:08
Chức danh: Kế toán trưởng
Đơn vị: KBNN Khu vực XV-PGD số 21

Hoàng Thị Thu Hồng

ĐƠN VỊ SỬ DỤNG NGÂN SÁCH

Ngày 1 tháng 10 năm 2026

Kế toán trưởng

Chủ tài khoản

(Ký tên, đóng dấu)

Người ký: Nguyễn Thị Kim Khánh
Ngày ký: 01/10/2026 12:33:21
Đơn vị: Trường THPT Đức Phổ I

Người ký: Phạm Thanh Cúc
Ngày ký: 01/10/2026 13:57:07
Đơn vị: Trường THPT Đức Phổ I

